

Bản án số: 263/2021/HSST
Ngày 28 tháng 12 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** và Bà **Đào Phương Mai**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Mai** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Ông Quách Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 278/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trương Thị Thúy N. Giới tính: Nữ. Sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: Y, xã T, huyện T, H. Chỗ ở: Không nơi ở nhất định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên Cha: Trương Văn C. Đã chết. Họ tên Mẹ: Hoàng Thị O (Đã chết). Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ sáu. Họ tên chồng: Đỗ Thái T. Sinh năm: 1981. Có 04 con: lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009.

Danh chỉ bản số 455 lập ngày 30/9/2021 tại Công an quận Hoàn Kiếm.

Nhân thân: 04 Tiền án.

- Ngày 26/7/2007, Tòa án nhân dân thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (Nay là thành phố Hà Nội) xử 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 153/2007/HSST). Ngày 31/3/2008, đã đóng án phí – Án tích đã xóa.

- Ngày 07/12/2007, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì xử 36 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Phạt bị cáo 5.000.000 đồng xung công quỹ, truy nộp 1.400.000 đồng. Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị T 10.000.000 đồng, cho anh Lê Hữu V 700.000 đồng, cho anh Hà Kim T 1.000.000 đồng, chịu 585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Bản án số 122/2007/HSST). Căn cứ biên bản xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì: Tại biên lai 24479 ngày 07/12/2004, đã nộp 50.000 đồng án phí HSST và 50.000 đồng án phí DSST; Đối với 5.000.000 đồng tiền phạt, 1.400.000 đồng tiền truy nộp, 585.000 đồng án phí DSST đã ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây; Khoản bồi thường tổng cộng 11.700.000 đồng các đương sự chưa có đơn yêu cầu thi hành án vì vậy không có căn cứ thi hành. Căn cứ biên bản xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông: Ngày 17/12/2010, đã

chấp hành xong khoản 1.400.000 đồng tiền truy nộ, 535.000 đồng án phí dân sự và 5.000.000 đồng tiền phạt – Án tích đã xóa.

- Ngày 19/8/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hà Đông, Hà Nội xử 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 100.000 đồng tuy nhiên bị cáo có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 60 tháng tù (Bản án số 153/2007/HSST, Bản án số 122/2007/HSST và Bản án số 19/2008/HSST). Ngày 28/11/2008, N đã đóng án phí – Án tích đã xóa.

- Ngày 13/4/2009, Tòa án nhân dân thành phố Hà Đông, Hà Nội xử 18 tháng tù về tội cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 300.000 đồng tuy nhiên bị cáo có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 04 bản án là 78 tháng tù (Bản án số 153/2007/HSST, Bản án số 122/2007/HSST, Bản án số 19/2008/HSST và Bản án số 145/2009/HSST). Ngày 25/5/2009, đã đóng án phí. Ngày 23/3/2016, ra trại – Án tích đã xóa.

Tạm giữ: 22/9/2021

- Tạm giam: 01/10/2021

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an TP. Hà Nội.

2. Bị cáo Nguyễn Thành T. Giới tính: Nam. Sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: Tổ 46A K, phường K, quận T, H. Chỗ ở: Không nơi ở nhất định. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Họ tên Cha: Nguyễn Văn T. Sinh năm: 1950. Họ tên Mẹ: Vũ Thị C. Sinh năm: 1947. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Nguyễn Thanh D. Sinh năm: 1976 (Đã ly hôn). Có 01 con sinh năm 2000.

Danh chỉ bản số 463 lập ngày 30/9/2021 tại Công an quận Hoàn Kiếm.

Tiền án, tiền sự: 04 Tiền án

- Ngày 02/8/2002, Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng về tội trộm cắp tài sản (Tài sản trộm cắp trị giá 581.446 đồng; Bản án số 202/HSST) – Án tích đã xóa.

- Ngày 13/5/2003, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xử 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp trị giá 48.000 đồng). Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án (Bản án số 202/HSST ngày 02/8/2002 và Bản án số 67/HSST ngày 13/5/2003) là 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/2/2003 – Án tích đã xóa.

- Ngày 18/3/2009, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2008 (Bản án số 208/2009/HSST). Ngày 18/3/2009, đã nộp án phí – Án tích đã xóa.

- Ngày 28/9/2010, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xử 28 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2010 (Bản án số 465/2010/HSST). Tiến hành xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai: tại thời điểm xác minh, Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai chưa nhận được bản án của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai. Vì vậy, Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai chưa có căn cứ để xác minh. Ngày 17/9/2012, T ra trại, trong giấy ra trại thể hiện T phải tiếp tục thi hành 200.000 đồng tiền án phí – Án tích chưa được xóa.

Tạm giữ: 22/9/2021

- Tạm giam: 01/10/2021.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

(Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** Chị Trần Thị Thanh T. Sinh năm: 1987. Trú tại: Số 15/38A T, quận B, H. (Chị T vắng mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Ngô Bá D. Sinh năm 1973. HKTT: xã Đ, huyện Đ, H. Nơi ở: Số 8 ngõ 897 G, phường G, H, H.

- Anh Đỗ Văn K. Sinh năm 1991. Trú tại: T, S, N, N. Chỗ ở: Số 5 ngõ 897 G, phường G, H, H.

(Anh D, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 21/9/2021, chị Trần Thị Thanh T (Sinh năm: 1987; Trú tại: 15/38A T, quận B, H) đến trụ sở Công an phường C, quận K, H trình báo bị mất trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh tại 1095 H, phường C, quận K, H.

Tiến hành rà soát camera tại số nhà 1095 H, phường C, quận K, H phát hiện hình ảnh: 12 giờ 33 phút ngày 21/9/2021, 01 đối tượng nam điều khiển xe máy chở 01 đối tượng nữ đi qua, rồi quay lại khu vực nhà 1095 H. Sau đó, đối tượng nữ xuống xe vào trong nhà trộm cắp 01 điện thoại di động đi ra ngoài lên xe đối tượng nam đang chờ bỏ đi. Công an phường C xác định Trương Thị Thúy N và Nguyễn Thành T là các đối tượng nghi vấn đã trộm cắp tài sản của chị T nên đã mời N và T đến trụ sở Công an phường C để làm việc.

Tại trụ sở công an phường C, N và T thừa nhận hành vi trộm cắp của chị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh tại 1095 H, phường C, quận K, H.

Tạm giữ của Trương Thị Thúy N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng kèm sim; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS: 29F1-44586, Số khung: RLHJA3826GY143765, Số máy: JA38E0305364; 7.500.000 đồng (BL 100)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 210/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2021 của hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax 512GB màu xanh rêu đã qua sử dụng có trị giá 20.000.000 đồng. (BL 120-122)

Tại bản kết luận giám định số 7525/KL-PC09-Đ3 ngày 20/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, Số khung: RLHJA3826GY143765, Số máy: JA38E0305364 là số nguyên thủy; Không giám định BKS: 29F1-44586 do không có mẫu so sánh. (BL 126)

Tại Cơ quan điều tra, **Trương Thị Thúy N** khai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 21/9/2021, nhờ T chở N đi mua đồ ở cửa khẩu V. Khi T điều khiển xe máy qua nhà số 1095 H thì N nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax của chị Trần Thị Thanh T để trên nóc tủ lạnh nên nảy sinh ý định trộm cắp. Vì vậy, N bảo T quay xe lại để lấy trộm. T dừng cách nhà số 1095 H khoảng 3m còn N đi vào lấy trộm điện thoại. Sau khi lấy được điện thoại, N đi ra ngoài và lên xe T chờ sẵn tẩu thoát. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, N gọi điện vào số 0974345567 của anh Ngô Bá D (Sinh năm: 1973; Trú tại: Xã Đ, huyện Đ, H) nói N có điện thoại muốn bán, anh D nói không có mặt ở cửa hàng nên đã cho nhân viên là anh Đỗ Văn K (Sinh năm: 1991; Trú tại: S,

N, T) ra nhận. T chở N đến ngõ 897 G, H, H. N gặp anh K nói nguồn gốc chiếc điện thoại là do N nhặt được và bán với giá 8.500.000 đồng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Công an phường C mời N và T đến trụ sở để làm việc, N và T khai nhận như đã nêu trên. Số tiền 8.500.000 đồng, N và T đã ăn tiêu cá nhân hết 1.000.000 đồng còn lại 7.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ. Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS: 29F1-44586 N mượn của chị Nguyễn Thị Ngọc Y (Sinh năm: 1975; Trú tại: 76/32/25 A, Y, T, H) để sử dụng. Chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng là của N dùng để liên hệ tiêu thụ chiếc điện thoại đã trộm cắp. (BL 130-142)

Nguyễn Thành T khai nhận phù hợp lời khai của N. T biết và ý thức được việc N trộm cắp điện thoại và đứng ngoài chờ để N thực hiện hành vi trộm cắp sau đó chở N đi tiêu thụ tài sản. (BL 149-154)

Anh **Ngô Bá D** khai: Anh D nhận được cuộc gọi của N từ số điện thoại 0988352947 vào số điện thoại 0974345567 của anh D nói muốn bán điện thoại. Anh D đồng ý và gọi cho anh **Đỗ Văn K** (Sinh năm: 1991; Trú tại: T, S, N, N) là nhân viên cửa hàng điện thoại T (Địa chỉ: ngõ 897 G, H, H) nói có khách muốn bán điện thoại và bảo anh K ra kiểm tra rồi mua lại điện thoại. Anh D không biết nguồn gốc chiếc điện thoại N mang đến bán là tài sản do trộm cắp mà có. (BL 162-165)

Anh **Đỗ Văn K** khai: Khoảng 13 giờ ngày 21/9/2021, anh K có mua của Trương Thị Thúy N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax với giá 8.500.000 đồng. Khi bán điện thoại, N nói với anh K nguồn gốc điện thoại là do N nhặt được. Anh K không biết điện thoại là do N trộm cắp mà có. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, anh K bán lại chiếc điện thoại trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 9.500.000 đồng. (BL 157-161)

Chị **Trần Thị Thanh T** khai: Nội dung sự việc như đã nêu trên. Chị T yêu cầu N và T bồi thường trị giá chiếc điện thoại bị mất trộm.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX, Số khung: RLHJA3826GY143765, Số máy: JA38E0305364 qua điều tra xác định có chủ đăng ký sở hữu là anh Trần Khánh T (Sinh năm: 1971; Trú tại: 9B A, Y, T, H). Xe không nằm trong dữ liệu xe tang vật. Anh T khai anh T cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y mượn để sử dụng. Chị Y khai ngày 21/9/2021, chị Y cho N mượn xe. Chị Y, anh T không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của N và T. Ngày 15/11/2021, Công an quận Hoàn Kiếm trả chiếc xe trên cho anh T, anh T đã nhận lại xe và không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số 274/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2021 đã truy tố Trương Thị Thúy N và Nguyễn Thành T tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận như khai tại Cơ quan điều tra và công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm giữ quyền công tố sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng đã ban hành, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thị Thúy N, bị cáo Nguyễn Thành T phạm Tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Thúy N với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T với mức án tù 18 tháng đến 24 tháng tù; Không áp dụng hình phạt phụ do các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Tịch thu xung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng do bị cáo N đã dùng chiếc điện thoại này để liên lạc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Trả cho người bị hại số tiền 7.500.000 đồng là một phần giá trị tài sản bị trộm cắp do các bị cáo đã chiếm đoạt và buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền thiệt hại còn lại cho người bị hại. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng Nghị án, các bị cáo được nói lời sau cùng, các bị cáo trình bày bản thân nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là phạm tội, xin hứa không tái phạm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hoàn Kiếm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Việc bổ sung người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm anh Ngô Bá D, anh Đỗ Văn K là cần thiết để làm rõ hành vi trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản trộm cắp của các bị cáo, xác định việc hưởng lợi trái pháp luật do hành vi phạm tội mà có. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 292 Bộ Luật tố tụng Hình sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 21/9/2021, Trương Thị Thúy N và Nguyễn Thành T có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh của chị Trần Thị Thanh T có trị giá 20.000.000 đồng tại số nhà 1095 H, phường C, quận K, H.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, các bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nhưng không chịu lao động kiếm tiền hợp pháp mà thực hiện hành vi trộm cắp để lấy tiền tiêu xài cá nhân vì vậy việc truy tố và xét xử các bị cáo về Tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

[3] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội khi chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật nên lần phạm tội này của bị cáo T là hành vi tái phạm. Tài sản bị thiệt hại chỉ thu hồi được một phần giá trị là tình tiết để HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt. Các bị cáo có sự cấu kết khi cùng thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn.

[5] Về quyết định hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm bảo vệ các quan hệ xã hội bị các hành vi vi phạm pháp luật xâm hại, đảm bảo tính công minh của pháp luật; cách ly người phạm tội với môi trường xã hội, phòng ngừa, ngăn chặn không để họ tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; răn đe những người có ý định phạm tội góp phần vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự của đất nước. Hơn nữa, bị cáo được giáo dục cải tạo, giúp bị cáo nhận thức rõ tội lỗi, hành vi vi phạm pháp luật, khắc phục, sửa chữa những thói quen, hành vi của bản thân không phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội; ăn năn, hối cải, tích cực lao động, học tập, cải tạo, xây dựng nhận thức, tình cảm đúng đắn, định hướng được các giá trị, chuẩn mực về đạo đức, lối sống của công dân để khi trở về địa phương, họ sẽ trở thành những công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt phụ bổ sung: Không áp dụng vì các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

[7] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu xung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng kèm sim do các bị cáo đã dùng chiếc điện thoại này để liên lạc tiêu thụ tài sản trộm cắp.

Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Đỗ Văn K phải nộp xung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng) đồng do hành vi phạm tội của các bị cáo mà có. Xác nhận anh K đã giao nộp tự nguyện số tiền này.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 12.500.000 đồng cho người bị hại – chị Trần Thị Thanh T. Trả cho người bị hại số tiền 7.500.000 đồng là một phần giá trị tài sản bị trộm cắp đã thu hồi được từ hành vi trộm cắp tài sản do các bị cáo thực hiện. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: TRƯƠNG THỊ THÚY N, NGUYỄN THÀNH T phạm Tội Trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng: Điều 173 khoản 1; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật Hình sự;

2.1. Xử phạt: TRƯƠNG THỊ THÚY N 26 (HAI MƯƠI SÁU) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2021.

3. Áp dụng: Điều 173 khoản 1; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự;

3.1. Xử phạt: NGUYỄN THÀNH T 28 (HAI MƯƠI TÁM) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2021.

4. Áp dụng:

- Điều 46, 47, 48 của Bộ Luật Hình sự;
- Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ Luật tố tụng hình sự 2015;
- Điều 170, Điều 468 khoản 2, Điều 587, Điều 589 của Bộ Luật dân sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 12.500.000 (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) đồng cho người bị hại – chị Trần Thị Thanh T.

Trả cho bị hại số tiền 7.500.000 đồng là một phần giá trị tài sản bị trộm cắp do các bị cáo đã chiếm đoạt.

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại – chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Trương Thị Thúy N và Nguyễn Thành T chậm trả số tiền 12.500.000 đồng thì các bị cáo Trương Thị Thúy N và Nguyễn Thành T còn phải chịu lãi suất tính trên khoản tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 khoản 2 Bộ Luật dân sự.

5.2. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5.3. Số tiền 7.500.000 đồng đã nộp tại Kho bạc Nhà nước theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm ngày 22/12/2021.

6. Về biện pháp tư pháp:

6.1. Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – anh Đỗ Văn K phải nộp xung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng) đồng do hành vi phạm tội của các bị cáo mà có. Xác nhận anh Đỗ Văn K đã tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 (Một triệu đồng) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0038995 ngày 17/12/2021.

6.2. Tịch thu xung công quỹ Nhà nước chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 màu vàng đồng kèm sim do bị cáo đã dùng chiếc điện thoại này để tiêu thụ tài sản trộm cắp.

Số vật chứng trên hiện giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm theo Biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 27/12/2021.

7. Án phí: Mỗi Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 312.500 (Ba trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận K;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố H;
- Cơ quan Điều tra quận K;
- Chi cục Thi hành án DSQK;
- Sở Tư pháp Tp Hà Nội;
- UBND p.T.
- UBND p. K;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THU HÀ